

(이)야말로

đây chính là; không gì khác ngoài

Tách riêng một danh từ ra như trường hợp thực sự hay tiêu biểu nhất. Nếu 은/는 chỉ đánh dấu chủ đề, thì dạng này khẳng định rằng chính cái này mới là cái quan trọng.

Cách kết hợp

Loại danh từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng phụ âm	이야말로	건강이야말로
Kết thúc bằng nguyên âm	야말로	우리아말로
Thay thế 은/는, 이/가	không dùng cả hai	건강이야말로 — không phải 건강은이야말로
Vị ngữ	khẳng định tích cực	… 재산이다, 중요하다
Sau một mệnh đề	-(으)ㄴ/는 것이야말로	노력하는 것이야말로
Văn phong	văn viết, hùng biện	bài phát biểu và tiểu luận

Khi nào dùng

Quy tắc phụ âm như thường lệ: danh từ kết thúc bằng phụ âm dùng **이야말로**, kết thúc bằng nguyên âm dùng **야말로**. Nó thay thế 은/는 và 이/가 chứ không chồng lên chúng.

Đây là một khẳng định mang tính xác định có nhấn mạnh: 건강이야말로 가장 큰 재산이다 — sức khỏe mới chính là tài sản thật sự. Câu thường tiếp tục định nghĩa hoặc ca ngợi.

Vì thế, vị ngữ thường là một khẳng định tích cực — 이다, 필요하다, 중요하다. Vị ngữ phủ định hoặc tầm thường sẽ làm mất sự nhấn mạnh.

Nó thuộc văn viết và mang tính hùng biện, phù hợp với bài phát biểu, tiểu luận và khẩu hiệu.

Ví dụ trong câu

- 1** 건강이야말로 가장 큰 재산입니다.
Sức khỏe chính là tài sản lớn nhất.
- 2** 지금이야말로 결단을 내려야 할 때다.
Bây giờ chính là lúc phải quyết định.
- 3** 꾸준한 연습이야말로 실력을 키우는 지름길이다.
Luyện tập đều đặn chính là con đường tắt thực sự để giỏi lên.
- 4** 우리야말로 이 일을 해낼 수 있는 사람들입니다.
Chúng ta chính là những người có thể làm đến cùng việc này.
- 5** 직접 만드는 것이야말로 이 가게의 강점이다.
Tự làm mọi thứ chính là thế mạnh của cửa hàng này.
- 6** 신뢰야말로 무엇보다 중요한 자산이지요.
Niềm tin chính là tài sản quan trọng nhất.

So sánh với

은/는
은/는 đánh dấu chủ đề một cách trung tính; (이)야말로 khẳng định rằng chính cái này, hơn tất cả những cái khác, mới là trường hợp thực sự.

건강은 중요해요. (sức khỏe quan trọng) / 건강이야말로 중요하다. (sức khỏe mới thực sự quan trọng)

까지
까지 thêm một mục vào tập hợp; (이)야말로 chọn ra một cái là thành viên tiêu biểu nhất.

건강까지 챙겨요. (lo cả sức khỏe nữa) / 건강이야말로 재산이다. (sức khỏe là trên hết)

바로
Phó từ 바로 cũng có nghĩa “chính”, và hai từ này thường đi cùng nhau để nhấn mạnh.

바로 지금이야말로 / 그것이야말로 바로 우리가 원하던 것이다.

Lưu ý

- ✗ 건강은이야말로 가장 큰 재산이다.**
○ 건강이야말로 가장 큰 재산이다.
(이)야말로 thay thế 은/는 và 이/가 chứ không đứng sau chúng.
- ✗ 그 사람이야말로 별로 중요하지 않아요.**
○ 그 사람은 별로 중요하지 않아요.
Cấu trúc này tách riêng một thứ như điều tiêu biểu nhất. Một vị ngữ coi nhẹ sẽ mâu thuẫn với điều đó.
- ✗ 직접 만드는 야말로 이 가게의 강점이다.**
○ 직접 만드는 것이야말로 이 가게의 강점이다.
Mệnh đề phải được danh từ hóa bằng 것 trước khi gắn trợ từ.